

Số: 2670/TGD-NHCT KDVT2
V/v: Công bố thông tin về tình hình
tài chính

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100111948, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 024. 3941 6397 Số fax giao dịch: 024. 3941 6431
- Địa chỉ thư điện tử: Contact@vietinbank.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
 - **Huy động vốn:** Nhận tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá, vay vốn của các TCTD, NHNN.
 - **Cấp tín dụng:** Cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước, các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
 - **Cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:** Mở tài khoản, cung ứng các phương tiện thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, các dịch vụ thanh toán khác do pháp luật quy định.
 - **Cung ứng dịch vụ ngoại hối:** trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật.
 - **Cung ứng các sản phẩm phái sinh lãi suất**
 - **Cung ứng dịch vụ lưu ký chứng khoán**
- Mã số thuế: 0100111948



h

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: năm (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025).
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất	Kỳ trước (31/12/2024)	Kỳ báo cáo (31/12/2025)
1. Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	148.504.708	179.655.005
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.699.917	77.669.446
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	25.316.757	31.654.355
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	58.390.118	58.212.794
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá	243.105	362.748
- Thặng dư vốn cổ phần	8.974.677	8.974.666
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát và vốn khác	970.729	1.206.433
2. Tổng số nợ phải trả (triệu đồng)	2.236.883.024	2.588.044.295
- Nợ vay ngân hàng	22.621.628	18.165.558
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	47.177.020	53.499.640
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	30.810.000	33.915.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	16.367.020	19.584.640
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
- Nợ phải trả khác	2.167.084.296	2.516.379.097
+ Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	154.284.104	144.592.357
+ Tiền gửi của khách hàng	1.606.316.685	1.793.732.057
+ Nợ phải trả khác	406.483.507	578.054.683
3. Cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,94	0,94
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	15,06	14,41
4. Khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	n/a	n/a
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn)	n/a	n/a

u

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất	Kỳ trước (31/12/2024)	Kỳ báo cáo (31/12/2025)
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	n/a	n/a
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần)		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/ Vốn chủ sở hữu	0,32	0,30
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/ Vốn chủ sở hữu	0,21	0,19
6. Lợi nhuận (triệu đồng)		
- Lợi nhuận trước thuế	31.763.925	43.443.809
- Lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính	25.482.567	34.871.266
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	1,2%	1,7%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	18,6%	21,3%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
- Tỷ lệ an toàn vốn ⁽¹⁾	9,5%	9.90%
- Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng ⁽²⁾	Tuân thủ	Tuân thủ
- Tỷ lệ khả năng chi trả.(trong 30 ngày) ⁽³⁾	Ngoại tệ: 115,05% VND: 74,75%	Ngoại tệ: 79,94% VND: 108,29%
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản ⁽⁴⁾	15,90%	17,63%
- Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn ⁽⁵⁾	22,15%	25,70%
- Tỷ lệ mua, đầu tư TP Chính Phủ, TP được Chính phủ bảo lãnh ⁽⁶⁾	3,53%	4,08%
- Giới hạn góp vốn, mua cổ phần ⁽⁷⁾	< 40%	< 40%
- Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi ⁽⁸⁾	83,12%	82,93%
- Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có ⁽⁹⁾	0,74%	-0.46%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025)

Ghi chú:

u

- Chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2024, 2025 của VietinBank căn cứ theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và có ý kiến chấp nhận toàn phần.

- Nợ vay Ngân hàng tương ứng khoản mục vay TCTD trên BCTC.

- Các chỉ tiêu ROA, ROE được tính toán theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi của VietinBank chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

- n/a: Không áp dụng với tổ chức tín dụng.

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ an toàn vốn VietinBank phải tuân thủ theo quy định tại Điều 130, Luật các TCTD số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành có liên quan). Cụ thể:

(1) Căn cứ Luật các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành có liên quan), tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

(2) Căn cứ Điều 10, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), hạn chế, giới hạn cấp tín dụng tối đa là 15% vốn tự có đối với 01 khách hàng và 25% vốn tự có đối với 01 khách hàng và người có liên quan. VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

(3) Căn cứ Điều 14, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), tỷ lệ khả năng chi trả (trong 30 ngày) tối thiểu là 10% với ngoại tệ và 50% với VND. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

(4) Căn cứ Điều 14, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), tỷ lệ dự trữ thanh khoản tối thiểu là 10%. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

(5) Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn được quy định theo lộ trình như sau: (i) từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022: 37%; (ii) từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 30/9/2023: 34%; (iii) từ ngày 01/10/2023: 30%. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

(6) Căn cứ Điều 17, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), tỷ lệ mua, đầu tư TP Chính phủ, TP được Chính phủ bảo lãnh tối đa là 30%. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

(7) Căn cứ Điều 18, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), giới hạn góp vốn, mua cổ phần tối đa là 40% giá trị vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. VietinBank tuân thủ chỉ tiêu này.

(8) Căn cứ Lộ trình tuân thủ Tỷ lệ dư nợ cho vay so với Tổng tiền gửi của VietinBank theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan) đã được NHNN chấp thuận theo công văn số 8225/NHNN-TTGSNH ngày 12/11/2020, từ ngày 01/01/2022 tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa là 85%. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

W

⁽⁹⁾ Căn cứ Thông tư số 07/2012/TT-NHNN ngày 20/03/2012, Thông tư số 38/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan), trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có không được vượt quá + 20%. Do đó VietinBank đáp ứng chỉ tiêu này.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện

- **Tên tổ chức kiểm toán:** Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (năm 2024) và Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (năm 2025).
- **Ý kiến của tổ chức kiểm toán:** Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2024, 2025 của VietinBank đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
PHÓ PHÒNG TTV



Lê Thu Phương

ĐẠI DIỆN NH TMCP CÔNG THƯƠNG VN



Nguyễn Anh Tuấn